

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRUNG TÂM ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

-----\*\*\*-----

**NGUYỄN GIANG TUỆ MINH**

**QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ GIỮA NGƯỜI LAO ĐỘNG**  
**VÀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ**  
**NƯỚC NGOÀI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

**HÀ NỘI - 2006**

***Lời cam đoan***

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của GS. TS. Chu Văn Cấp.*

***Các số liệu, tài liệu tham khảo trong luận văn đều trung thực và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.***

*Hà Nội, ngày      tháng      năm 2006.*

**Tác giả luận văn**

***Nguyễn Giang Tuệ Minh***

## **BẢNG QUY ƯỚC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN**

CNXH:	Chủ nghĩa xã hội
CNH-HĐN:	Công nghiệp hoá, hiện đại hoá
CĐ:	Cao đẳng
CPH:	Cổ phần hoá
DNCVĐTNN:	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
DN:	Doanh nghiệp
ĐTNN:	Đầu tư nước ngoài
ĐH:	Đại học
ILO:	Tổ chức Lao động Thế giới
KCN:	Khu công nghiệp
KCX:	Khu chế xuất
LĐTĐ&XH:	Lao động Thương binh và Xã hội
HĐLĐ:	Hợp đồng lao động
LĐLĐ:	Liên đoàn Lao động
TLĐLĐVN:	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
FDI:	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Việt Nam đã chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế, bắt đầu từ việc thông qua Luật Đầu tư nước ngoài vào năm 1987 và thực thi từ đầu năm 1988, trong gần 20 năm qua khu vực đầu tư nước ngoài đã phát triển nhanh chóng và được công nhận là bộ phận cấu thành của nền kinh tế với những đóng góp không nhỏ vào sự phát triển chung của nền kinh tế đất nước. Sự tăng trưởng về số lượng cũng như qui mô các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong cả nước đã góp phần làm tăng trưởng kinh tế, tăng kim ngạch xuất khẩu, nâng cao trình độ công nghệ của nền kinh tế, chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong nước, đóng góp ngân sách cho nhà nước... và tạo ra hàng trăm ngàn chỗ làm việc mới cho người lao động, góp phần đáng kể vào việc giải quyết việc làm, giảm bớt tình trạng thất nghiệp hiện nay ở nước ta. Thu nhập bình quân của người lao động làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhìn chung cao hơn lao động làm việc trong các loại hình doanh nghiệp khác, đời sống vật chất của một bộ phận công nhân lao động được cải thiện hơn trước.

Bên cạnh những mặt tích cực trên, những năm qua mâu thuẫn về mặt kinh tế - xã hội trong khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng đã xuất hiện và có xu hướng gia tăng đưa đến tình trạng đình công trái luật của công nhân mà nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ những mâu thuẫn về lợi ích kinh tế giữa người lao động và người sử dụng lao động. Tình hình đó không những gây tổn hại cho người lao động, làm thiệt hại kinh tế cho doanh nghiệp, mà còn gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự, an ninh xã hội, môi trường đầu tư, trước hết là khung khổ pháp luật thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên và nhằm góp phần giải toả những mâu thuẫn kinh tế - xã hội trong khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tôi chọn đề tài “Quan hệ lợi ích kinh tế giữa người lao động và người sử dụng lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” làm đề tài luận văn thạc sĩ kinh tế chuyên ngành kinh tế chính trị.

### 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Vấn đề lợi ích và lợi ích kinh tế được bắt đầu thu hút được sự quan tâm nghiên cứu của các nhà khoa học Việt Nam từ đầu những năm 1980, nhất là từ khi Đảng ta quyết định thực hiện đường lối đổi mới, phát triển nền kinh tế hàng hoá theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Các công trình nghiên cứu có liên quan trực tiếp đến vấn đề lợi ích và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được công bố trong các cuốn sách:

“Bàn về các lợi ích kinh tế” do Đào Duy Tùng chủ biên (1982), Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.

“Những giải pháp chính trị, kinh tế nhằm thu hút có hiệu quả đầu tư nước ngoài vào Việt Nam do Nguyễn Khắc Thân, Chu Văn Cấp đồng chủ biên (1996), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

“Lợi ích động lực phát triển xã hội” do Nguyễn Linh Khiếu chủ biên (1999), Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.

“Tạo việc làm cho người lao động qua trực tiếp đầu tư nước ngoài vào Việt Nam” do Bùi Anh Tuấn biên soạn, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2000.

- Dương Thụy Mỹ, “Mấy vấn đề về người lao động Việt Nam trong các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài” (Tạp chí Công tác tư tưởng và văn hoá, số 6/1995).

- Trần Đình Giám, “Nguyên nhân chính dẫn đến đình công ở một số xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” (Tạp chí Lao động và xã hội, số 6/1996).

- Phụng Hiệp, “Xây dựng mối quan hệ hài hòa giữa đại diện lao động và người sử dụng lao động trong các doanh nghiệp” (Tạp chí Lao động và Công đoàn, số 1/1997).

- Ngoài ra còn có một số cuộc hội thảo, hội nghị liên quan đến vấn đề quan hệ lợi ích trong các doanh nghiệp.

Các công trình nghiên cứu nói trên đã tiếp cận vấn đề lợi ích, lợi ích kinh tế. Vai trò của lợi ích trong sự phát triển của xã hội, của con người và mối quan hệ giữa các lợi ích dưới nhiều góc độ khác nhau. Các công trình viết về doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đề cập đến loại hình doanh nghiệp, vai trò vị trí của nó..., và cũng mới chỉ đề cập đến vấn đề lợi ích một cách chung chung đặt trong tổng thể các mối quan hệ khác liên quan đến người lao động và người sử dụng lao động. Nhìn chung còn ít công trình nghiên cứu vấn đề quan hệ lợi ích kinh tế giữa người sử dụng lao động và người sử dụng lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta dưới góc độ kinh tế chính trị. Vì vậy đề tài luận văn vẫn cần thiết và có ý nghĩa lý luận thực tiễn.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

\* **Mục đích:** Làm rõ bản chất, nội dung và thực trạng quan hệ lợi ích kinh tế giữa người lao động và người sử dụng lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp nhằm giải quyết tốt quan hệ lao động và lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

**\* *Nhiệm vụ:***

+ Nghiên cứu cơ sở lý luận về lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế, các hình thức thể hiện quan hệ lợi ích kinh tế giữa người lao động và người sử dụng lao động trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta.

+ Phân tích thực trạng về quan hệ lợi ích kinh tế giữa người lao động và người sử dụng lao động trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta trong thời gian qua.

+ Đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm giải quyết tốt quan hệ lợi ích kinh tế giữa người lao động và người sử dụng lao động trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài .

**4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

**\* *Đối tượng nghiên cứu:*** Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế giữa người lao động và người sử dụng lao động trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta.

**\* *Phạm vi nghiên cứu:*** được giới hạn trong thời gian từ khi có Luật đầu tư nước ngoài ở Việt Nam (1987) đến 2005. Đặc biệt quan tâm tới các số liệu 2000-2005.

**5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

**\* *Cơ sở lý luận:*** Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin, các quan điểm đường lối của Đảng, nhà nước Việt Nam và các lý luận kinh tế liên quan.

**\* *Phương pháp nghiên cứu:*** Luận văn sử dụng phương pháp truyền thống của khoa học kinh tế chính trị, nhất là phương pháp khảo sát, phân tích, so sánh, đối chiếu, thống kê, tổng hợp, khái quát vấn đề và nghiên cứu tổng kết thực tiễn...

**6. Đóng góp của luận văn**

Những kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho việc hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội nhằm điều chỉnh quan hệ lợi ích kinh tế, xây dựng quan hệ lao động lành mạnh trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Ngoài ra, luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu, giảng dạy các chuyên đề kinh tế liên quan.

**7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 3 chương, 7 tiết.

## **Chương 1**

# **CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ GIỮA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

### **1.1. Căn cứ lý luận của quan hệ lợi ích kinh tế trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**

#### ***1.1.1. Những luận điểm cơ bản về lợi ích kinh tế***

Con người ngay từ khi mới xuất hiện đã tiến hành các hoạt động kinh tế. Hoạt động kinh tế luôn luôn giữ vai trò trung tâm trong mọi hoạt động xã hội và nó là cơ sở các hoạt động văn hoá, tư tưởng, chính trị...

Trong hoạt động kinh tế, con người đều có động cơ. Động cơ thúc đẩy con người hành động. Mức độ hành động (mạnh hay yếu) tùy thuộc vào mức độ chín muồi của động cơ, mà sự chín muồi của động cơ lại phụ thuộc vào nhận thức và thực hiện lợi ích của họ. Có nhiều loại động cơ: kinh tế, chính trị, tư tưởng, tinh thần... Nhưng suy cho cùng thì động cơ kinh tế quyết định sức mạnh và nội dung của các động cơ khác. Ph. Ăngghen: xét đến cùng, mọi cuộc cách mạng được tiến hành “thì trước hết vẫn đề là ở những lợi ích kinh tế”.

#### ***• Lợi ích và lợi ích kinh tế***

- Lợi ích: Trong các tác phẩm của C.Mác thì những từ: lợi ích, ích lợi, có lợi được sử dụng như là cùng nghĩa và có thể thay thế nhau. Lợi ích không phải là một cái gì trừu tượng và có tính chất chủ quan, mà cơ sở của lợi ích là nhu cầu của con người. Con người có nhiều loại nhu cầu do đó có nhiều loại lợi ích. Ví dụ: nhu cầu vật chất dẫn đến lợi ích vật chất, nhu cầu chính trị dẫn đến lợi ích chính trị, nhu cầu văn hoá dẫn đến lợi ích văn hoá tinh thần...

- Lợi ích kinh tế: Lợi ích kinh tế nảy sinh trong điều kiện tồn tại xã hội của con người, những nhu cầu vật chất của con người khi được xác định về mặt xã hội thì nó trở thành cơ sở, nội dung của lợi ích kinh tế.

Lợi ích kinh tế là hình thức biểu hiện của quan hệ sản xuất, nó được qui định một cách khách quan bởi phương thức sản xuất, bởi hệ thống quan hệ sản xuất, trước hết là quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất. Như vậy, lợi ích kinh tế không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của các chủ thể lợi ích kinh tế. V.I. Lênin trong tác phẩm: Nội dung kinh tế của chủ nghĩa dân túy và Sự phê phán trong cuốn sách của ông Xto-ru-vê về nội dung đó, đã viết: “*Lợi ích của giai cấp này hay giai cấp khác xác định*

*một cách khách quan theo vai trò mà họ có trong hệ thống quan hệ sản xuất, theo những hoàn cảnh và điều kiện sống của họ”.*

Là hình thức biểu hiện của quan hệ sản xuất, lợi ích kinh tế thể hiện trong tất cả 4 khâu của quá trình tái sản xuất xã hội: sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng. Phải khẳng định rằng: ở đâu có hoạt động sản xuất kinh doanh thì ở đó có lợi ích kinh tế và chủ thể hoạt động sản xuất kinh doanh cũng là chủ thể các lợi ích kinh tế.

*• Vai trò của lợi ích kinh tế trong sự phát triển kinh tế - xã hội*

Lợi ích kinh tế là một trong những vấn đề sống còn của sản xuất và đời sống. Lịch sử đã từng chứng minh, động lực thúc đẩy con người hành động trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội không phải là cái gì khác ngoài lợi ích của họ. Chính những lợi ích đó đã gắn bó con người với cộng đồng của mình và tạo ra ở con người những sự kích thích, thôi thúc, khát vọng và sự say mê trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Lợi ích kinh tế được nhận thức và thực hiện đúng thì nó sẽ là động lực kinh tế thúc đẩy con người hành động. (lưu ý: nhận thức lợi ích là quá trình mang tính chủ quan. Cái khách quan được biểu hiện dưới dạng chủ quan). Khi các lợi ích kinh tế được nhận thức và thực hiện đúng sẽ làm nảy sinh các hoạt động làm chủ, đồng thời tạo ra sự say mê, kích thích hoạt động thực tiễn của con người. Do đó, lợi ích kinh tế thể hiện như là một trong những động lực cơ bản của sự tiến bộ xã hội nói chung, phát triển sản xuất kinh doanh nói riêng. Ph. Angghen cho rằng: Lợi ích kinh tế đó là những động cơ đã lay chuyển những quần chúng đông đảo. Và khi chúng biến thành sự kích thích hoạt động của con người “thì chúng lay chuyển đời sống nhân dân”.

Lợi ích kinh tế còn có vai trò quan trọng trong việc củng cố, duy trì các mối quan hệ kinh tế giữa các chủ thể sản xuất kinh, doanh. Một khi con người (chủ thể) tham gia vào các hoạt động kinh tế đều nhằm đạt tới các lợi ích nhất định. Đạt được những lợi ích kinh tế tương xứng với kết quả sản xuất, kinh doanh thì mới đảm bảo nâng cao tính ổn định và sự phát triển của các chủ thể lợi ích. Ngược lại, khi không mang lại lợi ích hoặc lợi ích không được thực hiện đầy đủ thì sẽ làm cho các mối quan hệ giữa các chủ thể xuống cấp. Nếu tình trạng đó kéo dài thì sớm muộn sẽ dẫn đến tình trạng tiêu cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

***1.1.2. Các mối quan hệ cơ bản trong khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài***

Đầu tư trực tiếp nước ngoài là hình thức đầu tư quốc tế mà nhà đầu tư nước ngoài góp một lượng vốn đủ lớn để thiết lập các cơ sở sản xuất, kinh doanh: nhờ đó cho phép họ trực tiếp



tham gia quản lý, điều hành đối tượng mà họ bỏ vốn đầu tư, cùng với các đối tác nước nhận đầu tư chia sẻ rủi ro và thu lợi nhuận từ những hoạt động đầu tư đó.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài có một số đặc điểm sau:

*Một là:* Về vốn góp của chủ ĐTNN, phải đóng góp một lượng vốn tối thiểu theo qui định của từng nước, qua đó để họ có quyền được trực tiếp tham gia điều hành đối tượng mà họ bỏ vốn đầu tư.

Các nước phương Tây nói chung, qui định lượng vốn này phải chiếm trên 10% cổ phần của doanh nghiệp nước ngoài thì mới được xem là đầu tư trực tiếp. Có nước qui định là 25%, hoặc có nước qui định có cổ phần tuy dưới 25% nhưng nếu có một trong những điều kiện sau đây đều được xem là đầu tư trực tiếp: cử nhân viên quản lý hoặc nhân viên kỹ thuật đến doanh nghiệp đầu tư, cung cấp kỹ thuật, cung cấp nguyên liệu; mua sản phẩm của doanh nghiệp, giúp đỡ tiền vốn, cho vay hoặc đầu tư theo hình thức thương mại có hoàn trả... [13].

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Thị Tuệ Anh (2004), “*Báo cáo tác động của cải cách chính sách bảo hiểm xã hội tới cầu về lao động của doanh nghiệp*” (Dự án hỗ trợ xây dựng Luật Bảo hiểm xã hội năm 2004) - Tổng cục Thống kê, Điều tra thực trạng doanh nghiệp năm 2002, 2003, 2004.
2. *Báo Lao động* (17/6/2006).
3. *Bộ Luật Lao động nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (2003), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2002), *Điều tra doanh nghiệp về tiền lương năm 2001*.
5. *Báo cáo về tình hình đình công cuối năm 2005, đầu năm 2006 trong các doanh nghiệp của Liên đoàn lao động tỉnh Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh* (2/2006).
6. GS.TS. Chu Văn Cáp và PGS.TS Trần Bình Trọng (đồng chủ biên, 2002), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác- Lênin* (Dùng cho khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. TS. Nguyễn Thế Công - Ths Đỗ Anh Tuấn, *Tác hại nghề nghiệp và sức khoẻ nữ công nhân ở một số ngành công nghiệp chế biến*.

8. PGS.TS. Nguyễn Bích Đạt (2004), Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước, giai đoạn 2001-2005 (KX 01), đề tài mã số KX01-05- Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, vị trí vai trò của nó trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.
9. Đảng cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Đảng cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Đảng cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương khoá X*, Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Phạm Huy Hoàng (3/2005), “Đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam: Tổng quan và triển vọng”, *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*.
13. Mã Hồng (1995), *Kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Đoàn Ngọc Phúc (8/2004), “Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam - thực trạng, những vấn đề đặt ra và triển vọng”, *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, (315).
15. *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, (01/3/2006).
16. *Thực trạng doanh nghiệp qua kết quả điều tra năm 2003, 2004, 2005* (2005), NXB Thống kê, Hà Nội.
17. Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế - xã hội quốc gia (2005), *Về năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trước ngưỡng của hội nhập*.
18. Nguyễn Thị Thơm (4/2006), “Chuyển giao công nghệ qua đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị*.
19. Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam (2005), *Báo cáo tình hình công nhân lao động và hoạt động công đoàn ngoài quốc doanh*.
20. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và viện Friedrich Ebert (2006), *Điều tra điều kiện lao động tại 84 doanh nghiệp*.
21. Viện Công nhân và Công đoàn (2006), *Kết quả điều tra xã hội học thực trạng việc làm, đời sống của lao động nữ doanh nghiệp ngoài quốc doanh năm 2006*.
22. Viện Khoa học Lao động và xã hội (2005), *Kết quả điều tra 250 doanh nghiệp đầu tư nước ngoài năm 2005*.